

• Nếu $t = 29 \Rightarrow -\frac{1}{2}[\overrightarrow{AC}, \overrightarrow{AN}] = (29; 3; 16)$ nên phương trình

$$(\alpha): 29x + 3y + 16z - 87 = 0$$

• Nếu $t = -19 \Rightarrow \frac{1}{2}[\overrightarrow{AC}, \overrightarrow{AN}] = (19; -3; 8)$ nên phương trình

$$(\alpha): 19x - 3y + 8z - 57 = 0.$$

3. Phương trình mặt phẳng (OBC) : $x - y = 0$ và phương trình mặt phẳng (ABC) : $5x + 3y + 4z - 15 = 0$.

Vì (α) đi qua B, C và tâm mặt cầu nội tiếp tứ diện $OABC$ nên (α) cắt cạnh OA và $M \in (\alpha)$ thì $d(M, (OBC)) = d(M, (ABC))$.

Gọi $M(x; y; z)$ thì từ điều kiện $d(M, (OBC)) = d(M, (ABC))$ suy ra hai mặt phẳng chứa M thỏa mãn là $x + 3y - 5 = 0, 10x + 3y - z - 15 = 0$.

Mặt phẳng $10x + 3y - z - 15 = 0$ cắt OA tại điểm $N\left(\frac{3}{2}; 0; 0\right)$ nằm trong

đoạn thẳng OA nên mặt phẳng cần tìm là $(\alpha): 10x + 3y - z - 15 = 0$.

Bài 6

1. Vì mặt phẳng (α) chứa Ox nên phương trình (α) có dạng: $ay + bz = 0$ với $a^2 + b^2 \neq 0$.

Do $A \in (\alpha)$ nên: $2a + 3b = 0$, chọn $b = -2 \Rightarrow a = 3$.

Vậy phương trình của $(\alpha): 3y - 2z = 0$.

2. Cách 1: Vì (α) cách đều C, D nên ta có hai trường hợp:

TH1: $CD \parallel l(\alpha)$, khi đó $[\overrightarrow{AB}, \overrightarrow{CD}] = \vec{n}$ là VTPT của (α)

$$\text{Mà } \overrightarrow{AB} = (-3; 1; -4), \overrightarrow{CD} = (-4; -4; 4) \Rightarrow \vec{n} = (-12; 28; 16)$$

Trường hợp này ta có phương trình của (α) là: $3x - 7y - 4z + 23 = 0$

TH 2: $CD \cap (\alpha) = \{I\}$, khi đó ta có được I là trung điểm của CD , suy ra $I(-2; -1; 3)$

Mặt phẳng (α) đi qua A, B, I .

$$\text{Ta có } \overrightarrow{AI} = (-3; -3; 0), \overrightarrow{BI} = (0; -4; 4) \Rightarrow [\overrightarrow{AI}, \overrightarrow{BI}] = (-12; 12; 12)$$

Trường hợp này ta có phương trình của (α) là: $x - y - z + 4 = 0$.

Cách 2: Vì (α) đi qua A nên phương trình của (α) có dạng:

$$a(x - 1) + b(y - 2) + c(z - 3) = 0 \Leftrightarrow ax + by + cz - a - 2b - 3c = 0 \quad (*)$$

Do $B \in (\alpha)$ nên $-3a + b - 4c = 0 \Rightarrow b = 3a + 4c$ (1)

Mặt khác: $d(C, (\alpha)) = d(D, (\alpha))$ nên ta có: $\frac{|-a - b - 2c|}{\sqrt{a^2 + b^2 + c^2}} = \frac{|-5a - 5b + 2c|}{\sqrt{a^2 + b^2 + c^2}}$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} a + b + 2c = 5a + 5b - 2c \\ a + b + 2c = -5a - 5b + 2c \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 4a + 3c = 0 \\ a + c = 0 \end{cases}$$

• $4a + 3c = 0$ ta chọn $c = -4 \Rightarrow a = 3, b = -7$, suy ra phương trình (α) là:
 $3x - 7y - 4z + 23 = 0$.

• $a + c = 0$ ta chọn $c = -1 \Rightarrow a = 1, b = -1$, suy ra phương trình của (α) là:
 $x - y - z + 4 = 0$.

Bài 7

1. Vì (α) đi qua A nên phương trình của (α) có dạng:

$$a(x + 1) + b(y - 1) + c(z - 1) = 0 \quad (1)$$

Do $B \in (\alpha)$ nên ta có: $4a - b + c = 0 \Rightarrow b = 4a + c$

Mặt khác $d(C, (\alpha)) = 2 \Leftrightarrow \frac{|2a - b - 3c|}{\sqrt{a^2 + b^2 + c^2}} = 2 \Leftrightarrow \frac{|2a + 4c|}{\sqrt{a^2 + (4a + c)^2 + c^2}} = 2$

$$\Leftrightarrow (a + 2c)^2 = 17a^2 + 8ac + 2c^2 \Leftrightarrow 8a^2 + 2ac - c^2 = 0 \Leftrightarrow c = -2a, c = 4a$$

• $c = -2a$ ta chọn $a = 1 \Rightarrow c = -2, b = 2$ nên phương trình

$$(\alpha): x + 2y - 2z + 1 = 0$$

• $c = 4a$ ta chọn $a = 1 \Rightarrow c = 4, b = 8$ nên phương trình

$$(\alpha): x + 8y + 4z - 11 = 0.$$

2. Ta có $M(x, y, z)$ là một điểm bất kì thuộc (α) khi và chỉ khi

$$d(M, (P)) = d(M, (Q)) \Leftrightarrow \frac{|2x + y + 2z - 1|}{3} = \frac{|x - 2y + 2z - 4|}{3}$$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} 2x + y + 2z - 1 = x - 2y + 2z - 4 \\ 2x + y + 2z - 1 = -x + 2y - 2z + 4 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} x + 3y + 3 = 0 \\ 3x - y + 4z - 5 = 0 \end{cases}$$

Vậy có hai mặt phẳng thỏa yêu cầu bài toán:

$$(\alpha_1): x + 3y + 3 = 0 \text{ và } (\alpha_2): 3x - y + 4z - 5 = 0.$$

3. Gọi E, F là hai điểm nằm trên giao tuyến của hai mặt phẳng (P) và (Q) .

Khi đó tọa độ của E, F là nghiệm của hệ: $\begin{cases} 2x + y + 2z - 1 = 0 \\ x - 2y + 2z - 4 = 0 \end{cases}$ (*)

Cho $x = 0$, từ (*) ta có $y = -1, z = 1 \Rightarrow E(0; -1; 1)$

Cho $x = 6$, từ (*) ta có $y = -3, z = -4 \Rightarrow F(6; -3; -4)$

Suy ra $\overrightarrow{EF} = (6; -2; -5)$.

Vì (α) đi qua E, F và vuông góc với (β) nên (α) nhận $\vec{n} = [\overrightarrow{EF}, \vec{a}]$ làm

VTPT

Trong đó $\vec{a} = (3; 2; -1)$ là VTPT của (β) nên $\vec{n} = (12; -9; 18)$

Vậy phương trình của (α) : $4x - 3y + 6z - 9 = 0$.

Bài 8

1. Vì $(P) // (Q) \Rightarrow (P): 2x - 3y - 6z + D = 0$.

Mà $d(O, (P)) = 5 \Rightarrow \frac{|D|}{\sqrt{2^2 + 3^2 + 6^2}} = 5 \Leftrightarrow D = \pm 35$.

Vậy phương trình $(P): 2x - 3y - 6z \pm 35 = 0$.

2. Giả sử $(P): ax + by + cz + d = 0$.

Ta có $A(2; -1; 0), B(5; 1; 1)$ là điểm chung của (α) và (β)

Vì (P) đi qua giao tuyến của hai mặt phẳng (α) và (β) nên $A, B \in (P)$ nên ta có:

$$\begin{cases} 2a - b + d = 0 \\ 5a + b + c + d = 0 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} b = 2a + d \\ c = -7a - 2d \end{cases}$$

$$\text{Mặt khác: } d(M, (P)) = \frac{7}{6\sqrt{3}} \Rightarrow \frac{\left| \frac{1}{2}c + d \right|}{\sqrt{a^2 + b^2 + c^2}} = \frac{7}{6\sqrt{3}}$$

$$\Leftrightarrow |c + 2d| = \frac{7}{3\sqrt{3}} \sqrt{a^2 + b^2 + c^2} \Leftrightarrow 27(c + 2d)^2 = 49(a^2 + b^2 + c^2)$$

$$\Leftrightarrow 27 \cdot 49a^2 = 49 \left[a^2 + (2a + d)^2 + (7a + 2d)^2 \right]$$

$$\Leftrightarrow 27a^2 + 32ad + 5d^2 = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} a = -d \\ a = -\frac{5}{27}d \end{cases}$$

• $d = -a \Rightarrow b = a; c = -5a$

Suy ra phương trình $(P): ax + ay - 5az - a = 0 \Leftrightarrow x + y - 5z - 1 = 0$.

• $d = -\frac{27}{5}a \Rightarrow b = -\frac{17}{5}a; c = -\frac{36}{5}a$. Suy ra phương trình

~~$(P): 5x - 17y - 36z - 27 = 0$.~~

Bài 9

1. Mặt phẳng (α) qua $A(1; 0; 2)$ nên có phương trình dạng:

$$A(x - 1) + By + C(z - 2) = 0, \quad A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

Vì (α) qua $B(2; -3; 3)$ nên $A - 3B + C = 0 \Leftrightarrow A = 3B - C$.

Véc tơ pháp tuyến của (α) là $\vec{n}_\alpha = (3B - C, B, C)$, của (β) là $\vec{n}_\beta = (4, 1, 1)$,

nên

$$\cos 60^\circ = \cos(\vec{n}_\alpha, \vec{n}_\beta) = \frac{|4(3B - C) + B + C|}{\sqrt{(3B - C)^2 + B^2 + C^2} \cdot \sqrt{18}}.$$

$$\text{Suy ra } \frac{1}{2} = \frac{|4(3B - C) + B + C|}{6\sqrt{5B^2 - 3BC + C^2}} \Leftrightarrow 9(5B^2 - 3BC + C^2) = (13B - 3C)^2$$

$$\Leftrightarrow 124B^2 - 51BC = 0 \Leftrightarrow B = 0; \quad B = \frac{51}{124}C.$$

• Nếu $B = 0$ thì chọn $C = -1 \Rightarrow A = 1$ nên $(\alpha): x - z + 1 = 0$.

• Nếu $B = \frac{51}{124}C$ thì chọn $C = 124 \Rightarrow A = 29$ nên mặt phẳng cần tìm là :

$$(\alpha): 29x + 51y + 124z - 277 = 0.$$

Vậy có hai mặt phẳng thỏa mãn là:

$$(\alpha): 29x + 51y + 124z - 277 = 0; \quad (\alpha): x - z + 1 = 0.$$

2. Mặt phẳng (α) qua $C(2; -3; 5)$ nên có phương trình dạng

$$A(x - 2) + B(y + 3) + C(z - 5) = 0, \quad A^2 + B^2 + C^2 > 0.$$

Vì $(\alpha) \perp (P)$ nên $A - 5B - C = 0 \Leftrightarrow A = 5B + C$ (1).

Vì góc giữa (α) và (Q) là 45° nên $\frac{|2A + 2B + C|}{\sqrt{A^2 + B^2 + C^2} \cdot 3} = \frac{1}{\sqrt{2}}$ (2).

Thế (1) vào (2) ta có $\frac{|4B + C|}{\sqrt{(5B + C)^2 + B^2 + C^2}} = \frac{1}{\sqrt{2}}$, hay

$$2(4B + C)^2 = (5B + C)^2 + B^2 + C^2 \Leftrightarrow B^2 + BC = 0 \Leftrightarrow \begin{cases} B = 0 \\ B = -C \end{cases}$$

Nếu $B = 0$ thì có phương trình $(\alpha): x + z - 7 = 0$.

Nếu $B = -C$ thì có phương trình $(\alpha): 4x + y - z = 0$.

Bài 10 $(P): 2x + y - 2z - 3 = 0$ và $A(1; 2; -1), B(0; 1; 2), C(-1; -1; 0)$.

1. $M \in Ox \Rightarrow M(x; 0; 0)$, $d(M, (P)) = \frac{|2x - 3|}{3} = 3$.

Các điểm cần tìm $M(6; 0; 0)$ hoặc $M(-3; 0; 0)$.

2. $N \in Oy \Rightarrow N(0; y; 0)$. Vì $d(N, (P)) = NA$ nên

$$\frac{|y - 3|}{3} = \sqrt{1^2 + (2 - y)^2 + (-1)^2} \Leftrightarrow 8y^2 - 30y + 45 = 0.$$

Không tồn tại điểm N thỏa mãn.

3. Gọi $K(x; y; z)$ ta có hệ
$$\begin{cases} K \in (P) \\ KB = KC \\ KA = \frac{3}{2} \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} 2x + y - 2z - 3 = 0 \\ 2x + 4y + 4z = 3 \\ (x - 1)^2 + (y - 2)^2 + (z + 1)^2 = \frac{9}{4} \end{cases}$$

Giải hệ ta tìm được $K\left(-\frac{1}{2}; 2; -1\right)$, $K\left(\frac{5}{6}; \frac{2}{3}; -\frac{1}{3}\right)$.

4. Từ $HA = HB = HC$ với $H(x; y; z)$ ta có hệ phương trình

$$\begin{cases} 2x + y - 2z - 3 = 0 \\ 2x + 4y + 4z = 3 \\ 2x + 2y - 6z = 1 \end{cases} \Rightarrow H\left(\frac{13}{6}; -\frac{2}{3}; \frac{1}{3}\right).$$

Bài 11

1. Xét hệ phương trình:
$$\begin{cases} x + y - 3z + 1 = 0 \\ 2x + 3y + z - 1 = 0 \end{cases}$$

* Cho $z = 1 \Rightarrow x = 6, y = -4 \Rightarrow A(6; -4; 1) \in (Q) \cap (R)$.

* Cho $z = 0 \Rightarrow x = -4, y = 3 \Rightarrow B(-4; 3; 0) \in (Q) \cap (R)$.

Ba mặt phẳng đã cho cùng đi qua một đường thẳng $\Leftrightarrow A, B \in (P)$

$$\Leftrightarrow \begin{cases} -4m + n = -4 \\ 3m = 6 \end{cases} \Leftrightarrow \begin{cases} m = 2 \\ n = 4 \end{cases} \text{ là giá trị cần tìm.}$$

Ta có: $\vec{n} = (1; 2; 4)$ là VTPT của (P)

Vì (α) đi qua A nên phương trình của (α) có dạng:

$$a(x - 6) + b(y + 4) + c(z - 1) = 0$$

Do $B \in (\alpha)$ nên ta có: $c = -10a + 7b$. Suy ra $\vec{v} = (a; b; -10a + 7b)$ là VTPT của (α)